

Bản án số: 87/2019/HS-PT
Ngày: 03/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông
Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 62/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Thái Văn D và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Thái Văn D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 06/6/1985; Nơi sinh và nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Thái Văn S và bà Võ Thị H; Có vợ là Hồ Thị U và 03 con, đứa lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; ***Có mặt tại phiên tòa***

2. Nguyễn Duy Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 19/5/1986; Nơi sinh và nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Mạnh T và bà Bùi Thị T; Có vợ là Trần Thị H và 03 con, đứa lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; ***Có mặt tại phiên tòa***

3. Lê Sỹ C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 19/5/1973; Nơi sinh và nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Lê Sỹ B (Đã mất) và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Võ Thị T

và 04 con, đứa lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Năm 2013 đã chấp hành xong hình phạt; Bị cáo Lê Sỹ C bị tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *Có mặt tại phiên tòa*

4. Nguyễn Văn N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 21/2/1994; Nơi sinh và nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn B (Là bị cáo trong cùng vụ án) và bà Võ Thị C; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Có 01 tiền án về tội Đánh bạc (Ngày 09/7/2018 bị TAND huyện C xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày 09/7/2018); Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2018 đến ngày 16/01/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; *Có mặt tại phiên tòa*

5. Nguyễn Văn B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/9/1969; Nơi sinh và nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T (Đã mất) và bà Lê Thị T; Có vợ là Võ Thị C và 02 con, đứa lớn sinh năm 1991, đứa nhỏ là bị cáo Nguyễn Văn N trong cùng vụ án.; Tiền án: Có 01 tiền án về tội Đánh bạc (Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 7.000.000 đồng). Đến tháng 7/2018 chấp hành xong hình phạt; Tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn B bị tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *Có mặt tại phiên tòa*

6. Võ Quốc T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/5/1993; Nơi sinh và nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Võ Quốc K và bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Có 01 tiền án về tội Đánh bạc, cụ thể ngày 09/7/2018 bị TAND huyện C xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày 09/7/2018; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2018 đến ngày 16/01/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; *có mặt tại phiên tòa*

Người bào chữa cho bị cáo Võ Quốc T: Bà Nguyễn Thị N; Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh; *có mặt*

Người bào chữa cho bị cáo Lê Sỹ C: Ông Nguyễn Quốc T; Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh; *có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/11/2018, Nguyễn Duy Đ và Hồ Phúc M liên hệ với nhau để tập trung tại nhà Đ để đánh bạc. Sau đó, M gọi điện rủ Nguyễn Văn T đến nhà Đ để đánh bạc. Tuấn đồng ý và rủ Bùi Văn T đi cùng.

Cùng lúc này, Phan Thị C đến nhà M để đưa 2.000.000 đồng cho M nhờ M đóng hộ tiền “Hụi”. Trong lúc Nguyễn Văn T, Phan Thị C và Bùi Văn T đang ngồi chơi tại nhà M, thì Nguyễn Văn N đi bộ sang nhà M chơi. Sau đó cả năm người gồm M, T, N, C, T đi đến nhà Đ. Tại nhà Đ có Lê Sỹ S, Lê Sỹ C, Nguyễn Văn B và Bùi Văn H đang ngồi chơi.

Tại đây, cả nhóm bàn bạc về địa điểm đánh bạc. Ban đầu các bị cáo định đánh bạc tại nhà Đ hoặc nhà H nhưng do nhà Đ và nhà H ở phía ngoài đường, sợ việc đánh bạc bị phát hiện nên, nên Đồng gọi điện thoại cho T K là người cùng xã nhưng không liên lạc được nên Đồng tiếp tục gọi cho D để xin đánh bạc. Theo Đ mô tả thì nhà của hai người này ở xa, phía trên đồi nên khó bị phát hiện hơn. D đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà nên N, C, S, C, H, Đ, M, B, T, T cùng đi sang nhà D.

Khi tới nơi, cả nhóm thống nhất đánh bài dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Để có thể đánh xóc đĩa thì Thái Văn D lấy bát đĩa sứ kèm một chiếc kéo để cho mọi người cắt quân vị sử dụng đánh bạc. H đưa cho D 500.000 đồng đi mua bài, nước, thuốc và đổi tiền lẻ để đánh bạc. Trong lúc chờ D, Đồng dùng kéo cắt quân vị bằng vỏ thuốc lá Thăng Long.

Khoảng 21 giờ 30 phút các bị cáo Đ, N, S, C, T, B, H, M, C bắt đầu đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa.

Sau đó, khoảng 22 giờ T, Đ, S, Hồ Phúc N, P đến nhà D để đánh bạc (Tú nhận được tin nhắn báo có địa điểm đánh bạc nên rủ Đ, S, Hồ Phúc N và P cùng đi). Đánh được một lúc thì Đ gửi cho chị Út 1.400.000 đồng là tiền mà Đ nợ trước đó, số tiền này trích ra trong số tiền bị cáo dùng để đi đánh bạc.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút thì Võ Quốc N và T đến nhà D để đánh bạc (C gọi điện thoại rủ N rồi N rủ T đi cùng)

Lúc bắt đầu đánh thì Đồng là người cầm cái, tiếp sau đó là Cự, Tuấn và Thông. Theo các bị cáo trình bày thì Đồng cầm cái khoảng 20-25 phút, Cự và Tuấn cầm cái ít nhất và tương đương nhau còn Thông sau khi đến tham gia đánh rồi chuyển cầm cái cho đến khi bị bắt.

Các bị cáo quy ước hình thức đánh bạc như sau: Người cầm cái đồng thời là người xóc đĩa. Người cầm cái bỏ bốn quân vị vào đĩa sứ rồi úp bát sứ lên xóc. Xóc xong thì đặt xuống giữa chiếu, những người tham gia đánh bạc đặt cược tiền vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Số tiền đặt cược tùy từng người chơi, tùy từng ván, thấp nhất 50.000 đồng cao nhất 200.000 đồng. Sau khi đặt xong thì người cầm cái mở bát ra, nếu có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu thì cửa chẵn thắng, nếu 01 hoặc 03 quân vị cùng màu thì cửa lẻ thắng. Về cửa nào thì người chơi đặt cửa đó sẽ thắng số tiền mình đã đặt cược. Người cầm cái lấy tiền của người thua, trả cho người thắng. Nếu còn thiếu tiền thì phải bỏ tiền của mình ra đưa cho người thắng, thừa tiền thu về cho bản thân.

Khi C đang xóc cái thì D mua bài nước thuốc về, D mua hết số tiền 130.000 đồng, những người đánh bạc đưa cho M hai lần tiền hồ để M đưa cho Thái Văn D, lần thứ nhất M thu được 750.000 đồng, lần thứ hai, M thu được 500.000 đồng. Tổng số tiền “Hồ” mà D được hưởng từ các con bạc là 1.120.000

đồng (D đã trả lại cho H 500.000 đồng là tiền của H đưa cho D trước đó để D đi mua bài, thuốc, nước).

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/11/2018, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phát hiện hành vi đánh bạc và bắt các đối tượng: Phạm Bá S, Nguyễn Văn T (ban đầu Tuấn khai là Lê Sỹ T), Lê Sỹ Đ, Hồ Phúc N, Nguyễn Văn B, Hồ Phúc M, Nguyễn Văn N, Lê Sỹ S, Lê Sỹ C, Hồ Duy P, Võ Quốc T, Phan Thị C, Thái Văn D và thu giữ các tang vật gồm:

- Tiền thu tại nơi đánh bạc: 14.520.000 đồng (gồm 16 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 24 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 15 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng)

- 01 đĩa sứ màu trắng, dưới đáy có dòng chữ “THÁI BÌNH MADE IN VIET NAM”, đã sứt một góc; 02 chiếc bát sứ màu trắng, bị vỡ; 04 quân vị, hình tròn, cắt bằng bài tú lơ khơ; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng, cán kéo bọc nhựa màu đỏ; 01 bộ bài tú lơ khơ còn nguyên chưa qua sử dụng; 47 lá bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng, còn mới; 15 chiếc điện thoại di động các loại đã qua sử dụng; 08 chiếc ví da các loại đã qua sử dụng, tổng tiền trong các ví là 1.391.000 đồng; 01 chiếc chiếu nhựa màu vàng, đỏ; 10 chiếc xe mô tô các loại đã qua sử dụng.

Lợi dụng tình hình lộn xộn, Nguyễn Duy Đ mang theo 550.000 đồng, Nguyễn Văn T mang theo 80.000 đồng (tiền mà Đ và T mang theo là tiền dùng vào việc đánh bạc), Võ Quốc N, và Bùi Văn H bỏ chạy khỏi hiện trường. Đến ngày 10, 11 và ngày 12/11/2018, lần lượt Nguyễn Duy Đ, Võ Quốc N, Nguyễn Văn T và Bùi Văn H tự nguyện đến Cơ quan điều tra đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đ và T tự nguyện giao nộp lại số tiền mang theo lúc bỏ chạy.

Với hành vi phạm tội trên, tại Bản án sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 25/3/2019 của TAND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định: tuyên bố bị cáo Thái Văn D phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Hồ Phúc M, Lê Sỹ C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Võ Quốc T, Bùi Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T, Lê Sỹ S, Phạm Bá S, Lê Sỹ Đ, Hồ Duy P, Võ Quốc N, Hồ Phúc N, Phan Thị C phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Thái Văn D**: 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D 20 (Hai mươi) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1, 3 điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy Đ**: 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ 15 (Mười lăm) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; tiết thứ nhất điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Sỹ C**: 09 (Chín) tháng tù,

thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo C.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; tiết thứ nhất điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N**: 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 09/7/2018 của TAND huyện C, buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung là 23 (Hai mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2018 đến ngày 16/01/2019; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo N.

Căn cứ khoản 1,3 Điều 321; tiết 1 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B**: 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo B 10 (Mười) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; tiết 1 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 56, Điều 58, , khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Võ Quốc T**: 07 (Bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 09/7/2018 của TAND huyện C, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2018 đến ngày 16/01/2019; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hồ Phúc M**: 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo M 15 (Mười lăm) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T 15 (Mười lăm) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**: 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Sỹ S**: 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo S 11(Mười một) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt **Bùi Văn H**: 07 (Bảy) tháng tù cho

hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Huân 11 (Mười một) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt **Phạm Bá S:** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo S 10 (Mười) triệu đồng.

Giao các bị cáo M, T, T, S, H, S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh quản lý giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo M, T, T, S, H, S có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Sỹ Đ:** 25 (Hai mươi lăm) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hồ Duy P:** 24 (Hai mươi bốn) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hồ Phúc N:** 24 (Hai mươi bốn) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Võ Quốc N:** 23 (Hai mươi ba) triệu đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phan Thị C:** 20 (Hai mươi) triệu đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, quyền kháng cáo, án phí của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2019, bị cáo Thái Văn D làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo

Ngày 27/3/2019, bị cáo Nguyễn Duy Đ làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Ngày 27/3/2019, bị cáo Lê Sỹ C làm đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 03/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn N làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/4/2019, bị cáo Võ Quốc T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn B làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xem xét kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Võ Quốc T: Bị cáo trong vụ án này không phải là người khởi xướng, vai trò cũng là thứ yếu, số tiền đánh bạc cũng ít nhất trong các bị cáo, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo cũng thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn phần án phí cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Sỹ C: Mức hình phạt cấp sơ thẩm đối với bị cáo C là nặng, bị cáo C có vai trò thứ yếu trong vụ án, số tiền đánh bạc cũng không nhiều, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo, phạm tội ít nghiêm trọng, gia đình hộ cận nghèo, hoàn cảnh khó khăn, bị cáo cũng đang thờ phụng liệt sỹ, có bố vợ là thương binh, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ, vợ đi làm ăn xa, án tích của bị cáo cũng đã được xóa, bản thân có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[2] Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút ngày 09/11/2018 đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/11/2018, các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Hồ Phúc M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Lê Sỹ C, Lê Sỹ S, Bùi Văn H, Phạm Bá S, Nguyễn Văn B, Lê Sỹ Đ, Nguyễn Văn N, Hồ Duy P, Hồ Phúc N, Võ Quốc N, Võ Quốc T, Phan Thị C đã có hành vi đánh bạc trái phép tại nhà Thái Văn D bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền trị giá 23.460.000 đồng.

Thái Văn D đã cho 16 con bạc đánh bạc tại nhà, giúp sức cho việc đánh bạc như trái chiếu, chuẩn bị bát, đĩa, kéo, mua bài, thuốc, nước phục vụ những người tham gia đánh bạc, canh gác, cảnh giới và thu lợi số tiền 1.120.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh xét xử bị cáo Thái Văn D về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1, 3 Điều 322 BLHS; bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Văn B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1,3 Điều 321 BLHS; bị cáo Lê Sỹ C, Nguyễn Văn N, Võ Quốc T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Thái Văn D:

Bị cáo D đã có hành vi để cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép cùng một lúc với tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 23.115.000đ tại nhà là địa điểm thuộc quyền sở hữu của D, bị cáo đã thu lợi bất chính được số tiền 1.120.000đ. Hành vi của bị cáo Thái Văn D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, trật tự quản lý Nhà nước, tiếp tay cho các con bạc sát phạt nhau bằng tiền gây mất trật tự trị an xã hội và sự bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Gá bạc” là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tuy nhiên bị cáo lần đầu tiên phạm tội, hưởng lợi số tiền không lớn, bản thân cũng có thời gian phục vụ trong quân ngũ, gia đình hoàn cảnh khó khăn, vợ thường xuyên đau ốm, đang nuôi con nhỏ, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm dành cho bị cáo là buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là hơi nặng, chỉ cần cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ:

Nguyễn Duy Đ là người khởi xướng, rủ rờ việc đánh bạc, lựa chọn địa điểm, mượn nhà của D để đánh bạc, là người cắt quân vị và người cầm cái đầu tiên, sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối. Do đó Đ giữ vai trò chính trong vụ án. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân và là một tệ nạn xã hội dễ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng khác nếu không được ngăn chặn kịp thời. Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS và có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS như (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và cũng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú, có bố đẻ là người có công với cách mạng), bên cạnh đó xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, tại phiên tòa phúc thẩm cũng đã biết nhận lỗi về hành vi phạm tội, bị cáo xuất trình được biên lai tự nguyện nộp tiền phạt, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo tại ngoại tại địa phương cũng đủ răn đe giáo dục, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3.3] Đối với bị cáo Lê Sỹ C:

Bị cáo C là người tham gia đánh bạc, với vai trò sau Đ trong vụ án này, bị cáo đã được xóa án tích về hành vi đánh bạc, bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội, chứng minh cho việc nhận thức của bị cáo đối với hành vi phạm tội của mình vẫn còn hạn chế. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS nào, có các tình tiết giảm nhẹ TNHS như thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, gia đình hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo, phải nuôi mẹ già, vợ làm ăn xa, tự bản thân nuôi con nhỏ, bị cáo cũng đang thờ phụng chú ruột là liệt sỹ, bố vợ bị cáo là thương binh nặng, nay có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải phạt tù, cách ly bị cáo mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ

răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Do đó, đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Văn N:

Bản thân bị cáo N đang phải chấp hành thời gian thử thách của bản án trước đó mà bị cáo bị kết án, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, tiếp tục tham gia đánh bạc lần này để rồi bị truy tố, xét xử cho thấy được ý thức tự cải tạo của bản thân bị cáo là còn kém, chưa đủ nhận thức pháp luật. Tuy trong lần này bị cáo chỉ sử dụng 1.000.000đ để đánh bạc, bản thân bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS xét xử bị cáo mức án như vậy là đã phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn B

Bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền là 1.120.000đ, dù đã thành khẩn khai báo, tuy nhiên bản thân chưa được xóa án tích về tội đánh bạc trước đó lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo không lấy đó làm bài học, tiếp tục lao vào con đường phạm pháp, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Xét thấy, hành vi của bị cáo đáng bị lên án, vì vậy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe bị cáo, cũng như phòng ngừa chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.6] Đối với bị cáo Võ Quốc T:

Tuy chỉ sử dụng 530.000đ vào việc đánh bạc và không tham gia ngay từ đầu, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo nhưng bị cáo đã có hành vi rủ rê các bị cáo khác đến tham gia vào việc đánh bạc. Bản thân bị cáo cũng đang trong thời gian thử thách cho thấy ý thức tự cải tạo của bị cáo là chưa cao. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không có tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét, vì vậy việc áp dụng quy định pháp luật, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ để xử phạt bị cáo mức án như vậy là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B phải chịu án phí HSPT; bị cáo Võ Quốc T không phải chịu án phí HSPT do thuộc hộ cận nghèo. Kháng cáo của bị cáo Thái Văn D, Nguyễn Duy Đ, Lê Sỹ C được chấp nhận nên các bị cáo này không phải chịu án phí HSPT

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c, e khoản 1 Điều 357 BLTTHS.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, Võ Quốc T

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Văn D, Nguyễn Duy Đ, Lê Sỹ C.

Tuyên bố bị cáo **Thái Văn D** phạm tội “Gá bạc”

Căn cứ điểm b khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Thái Văn D 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Thái Văn D số tiền 20.000.000đ.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Duy Đ, Lê Sỹ C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, Võ Quốc T** phạm tội “Đánh bạc”

Căn cứ khoản 1, 3 điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Duy Đ số tiền 15.000.000đ (đã nộp tiền theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001327 ngày 28/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; tiết thứ nhất điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Sỹ C 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

Giao các bị cáo Thái Văn D, Nguyễn Duy Đ và Lê Sỹ C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; tiết thứ nhất điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 09/7/2018 của TAND huyện C, buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2018 đến ngày 16/01/2019. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Căn cứ khoản 1,3 Điều 321; tiết 1 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 10/11/2018 đến ngày 13/11/2018. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 10.000.000đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; tiết 1 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Võ Quốc T 07 (bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 09/7/2018 của TAND huyện C, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm

giám từ ngày 10/11/2018 đến ngày 16/01/2019. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận; bị cáo Võ Quốc T được miễn án phí hình sự phúc thẩm do thuộc hộ cận nghèo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 06 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền